

Bản án số: 109 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/7/2021

V/v: “Ly hôn và con chung”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Khánh Thiện.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đức Hạnh.

Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Sơn – Thư ký TAND tỉnh H.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở TAND tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc ly hôn và nuôi con chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Á**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn B S T, xã B D, thị xã Đ T, tỉnh Q.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Đình Th**, sinh năm 1983.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: ĐKHKT: Thôn T, xã H, thị xã C( nay là thành phố C), tỉnh H.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Đình Đ**, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, thị xã C,( nay là thành phố C), tỉnh H.

(Chị Á, ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Th vắng mặt không lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị Á trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Đình Th được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn và

có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh H vào ngày 24 tháng 01 năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng ở riêng (nhà tạm) xây trên đất của bố mẹ chồng. Từ khi kết hôn do vợ chồng làm nghề tự do thu nhập thấp, cuộc sống vợ chồng có nhiều biến đổi, vợ chồng không hợp nhau nên mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Tháng 7/2013 hai bên bố mẹ vay tiền cho anh Th đi lao động tại Đài Loan, anh Th đi được vài tháng chị cũng sang Đài Loan lao động nhưng do sức khỏe yếu và không hợp khí hậu nên chị lại trở về. Thời gian chị về nhà anh Th có liên lạc với chị trong 2 năm đầu nhưng chỉ hỏi thăm sức khỏe, riêng tiền anh Th chỉ gửi về cho mẹ chồng chị mà không gửi cho chị. Từ năm 2016 là lúc anh Th hết hạn hợp đồng, anh Th đã trốn ở lại Đài Loan bất hợp pháp cũng từ đây anh Th không còn bất kỳ liên lạc gì với chị, không nhắn tin, không gọi điện và gửi tiền cho vợ con chỉ gửi tiền về cho mẹ. Tuy nhiên bố mẹ chồng chị không nói bất cứ điều gì về anh Th, không nói địa chỉ của anh Th mà chỉ âm thầm liên lạc với anh Th và nhận tiền gửi về từ anh Th. Mâu thuẫn phát sinh từ đây, bố mẹ chồng thì chửi bới và tuyên bố không có đứa con dâu như chị. Chị đã nói với mẹ chồng chị cho chị thông tin, nơi ở, điện thoại của anh Th để chị liên lạc đề nghị ly hôn nhưng bố mẹ chồng chị không cho. Đến nay đã 6 năm anh Th không quan tâm, không gọi điện hỏi thăm chị, chị đã về nhà để sống được vài năm. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Xuân Tr, sinh ngày 29/10/2007 và Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 26/02/2013. Hiện nay các cháu đang ở cùng với bố mẹ anh Th. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau đó chị đã thay đổi chị đề nghị Tòa án giao cả 2 con cho anh Th nuôi dưỡng và ông bà nội có trách nhiệm chăm sóc các cháu khi anh Th lao động tại nước ngoài. Chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh Th.

- Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung và không nợ ai, không ai vay nợ vợ chồng có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 1354/QLXNC-P5 ngày 13/4/2021 thể hiện: Có trường hợp Nguyễn Đình Th, sinh ngày 22/8/1983, tại Hải Dương, CMND số: 142041465 địa chỉ: H, thành phố C, tỉnh Hải Dương có thông tin xuất nhập cảnh ngày 03/11/2013 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số B8347163, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Á không cung cấp được địa chỉ của anh Nguyễn Đình Th tại Đài Loan. Tòa án nhân dân tỉnh H đã lấy lời khai của ông

Nguyễn Đình Đ là bố đẻ anh Th, ông Đ xác nhận anh Th vẫn thỉnh thoảng liên lạc về nhà. Tòa án yêu cầu ông Đ cung cấp địa chỉ của anh Th ở Đài Loan và yêu cầu anh Th gửi văn bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Á, nhưng ông Đ không cung cấp được địa chỉ của anh Thái, anh Thái cũng không có văn bản gửi về. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho ông Đ, đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông Đ xác định đã thông tin cho anh Th biết, anh Th có ý kiến với gia đình ông: Nhất trí ly hôn với chị Á; về con chung: Anh Th đề nghị được nuôi cả 2 con chung Nguyễn Xuân Tr và Nguyễn Tuấn A và không yêu cầu chị Á cấp dưỡng nuôi con, trong thời gian anh Th đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan thì ủy quyền cho ông bà nội trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 2 cháu, khi nào anh Th về Việt Nam sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 2 cháu. Ông Đ đồng ý ủy quyền của anh Thái thay mặt anh Th chăm sóc 2 cháu đến khi anh Th về Việt Nam; về tài sản không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa.

Về nội dung: Đã phân tích, đánh giá yêu cầu của Nguyên đơn, căn cứ tài liệu có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân : Xử cho chị Nguyễn Thị Á được ly hôn anh Nguyễn Đình Th.

- Về con chung : Giao cháu Nguyễn Xuân Tr và Nguyễn Tuấn A, cho anh Th chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trong thời gian anh Th đang ở nước ngoài, giao hai cháu Tr và Tuấn A cho ông Nguyễn Đình Đ chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi anh Th về nước. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Th không yêu cầu chị Á cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị Á được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Á không cung cấp được địa chỉ của anh Th lao động tại Đài Loan. Theo hướng dẫn công văn 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án hai lần

yêu cầu gia đình anh Th cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được, đồng thời Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do đó Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục tố tụng giấu địa chỉ.

Chị Á, ông Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Th vắng mặt lần thứ hai. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Á, ông Đ và anh Th.

[2]. Về Quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Á và anh Nguyễn Đình Th được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 24/01/2007 tại UBND xã H, huyện C (nay là thành phố C), tỉnh H nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, anh Th đi lao động ở nước ngoài nhưng từ năm 2016 anh Th không quan tâm đến chị Á, không gọi điện, không gửi tiền về cho chị Á dẫn đến hai bên có mâu thuẫn, điều đó chứng tỏ vợ chồng không có sự chia sẻ, quan tâm đến nhau. Nay chị Á xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th. Về phía anh Th cũng đã được gia đình cho biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo đơn xin ly hôn của chị Á. Anh Th cũng có quan điểm đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy đời sống chung giữa chị Á và anh Th không có, mục đích hôn nhân của hai người không đạt được nay anh chị mỗi người một nơi, khoảng cách về địa lý càng khiến anh chị không thể cải thiện được cuộc sống vợ chồng nên cần giải quyết cho chị Á được ly hôn anh Th theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ là phù hợp tình hình thực tế.

[3]. Về con chung: Chị Á và anh Th có 02 con chung là Nguyễn Xuân Tr, sinh ngày 29/10/2007 và Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 26/02/2013. Hiện nay hai cháu đang ở với bố mẹ anh Th. Khi ly hôn chị Á đề nghị Tòa án giao cả 2 con cho anh Th nuôi dưỡng và ông bà nội có trách nhiệm chăm sóc cháu khi anh Th lao động tại nước ngoài. Chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh Th. Anh Th đề nghị được nuôi cả 2 con chung Nguyễn Xuân Tr và Nguyễn Tuấn A, trong thời gian anh Th đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan anh ủy quyền cho bố đẻ là ông Nguyễn Đình Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 2 con đến khi anh Th về Việt Nam và không yêu cầu chị Á phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh, ông Đ đồng ý, mặt khác cháu Tr và cháu Tuấn A cũng có nguyện vọng được ở với bố. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của anh Th, chấp nhận sự tự nguyện của anh Th không yêu cầu chị Á không phải cấp dưỡng

tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Á không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Á phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị Á được ly hôn anh Nguyễn Đình Th.

2. Về con chung: Giao hai con Nguyễn Xuân Tr, sinh ngày 29/10/2007 và Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 26/02/2013 cho anh Th nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Th không yêu cầu chị Á phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Tạm giao cháu Nguyễn Xuân Tr và Nguyễn Tuấn A cho ông Nguyễn Đình Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh Th về Việt Nam.

Chị Á được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở quyền này.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Á phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ số tiền 300.000đ chị Á đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số AA/2018/0004792 ngày 26/11/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị Á đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh H;
- UBND xã H, huyện C, tỉnh H;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***

- Lưu hồ sơ vụ án.

**Phạm Thị Khánh Thiện**

